

Số: 3069 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 126 thủ tục hành chính không liên thông trong các lĩnh vực: Hóa chất; Kinh doanh khí; Vật liệu nổ công nghiệp; An toàn vệ sinh lao động; An toàn thực phẩm; Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Dầu khí; Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu; Xúc tiến thương mại; Xuất nhập khẩu; Thương mại quốc tế; Quản lý bán hàng đa cấp; Giám định thương mại; Lưu thông hàng hóa trong nước; Thương mại điện tử; Công nghiệp tiêu dùng; Công nghiệp nặng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai ;

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 124/TTr-SCT ngày 09 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 126 thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh trong các lĩnh vực: Hóa chất; Kinh doanh khí; Vật liệu nổ công nghiệp; An toàn vệ sinh lao động; An toàn thực phẩm; Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Dầu khí; Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu; Xúc tiến thương mại; Xuất nhập khẩu; Thương mại quốc tế; Quản lý bán hàng đa cấp; Giám định thương mại; Lưu thông hàng hóa

trong nước; Thương mại điện tử; Công nghiệp tiêu dùng; Công nghiệp nặng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025; Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025; Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông, không liên thông cấp tỉnh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- Bộ Quốc phòng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 126 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG TRONG CÁC LĨNH VỰC: HÓA CHẤT; KINH DOANH KHÍ; VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP; AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG; AN TOÀN THỰC PHẨM; CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA; DẦU KHÍ; CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA; KHÓANG SẢN; ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU; XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI; XUẤT NHẬP KHẨU; THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ; QUẢN LÝ BAN HÀNG ĐA CẤP; GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI; LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC; THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ; CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG; CÔNG NGHIỆP NẶNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
I. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (29 TTHC)								
1	STT 68 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003820.H21)	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
2	STT 69 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003775.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
3	STT 70 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng1 (2.001585.H21)	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
4	STT 71 Mục VIII, Phần A.I	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2,	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc,	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	bảng 3 (1.003724.H21)			cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			UBND ngày 07/12/2025
5	STT 72 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3 (2.001722.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
6	STT 73 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3 (1.004031.H21)	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
7	STT 74 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (2.000431.H21)	5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
8	STT 75 Mục VIII, Phần A.I Quyết định	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (2.000257.H21)	5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025				1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
9	STT 76 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012429.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
10	STT 77 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012430.H21)	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
11	STT 78 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012431.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
12	STT 79 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012432.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025				an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
13	STT 80, Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3. (1.012433.H21)	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
14	STT 81 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012438.H21)	8,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 7,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 7,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
15	STT 82 Mục VIII,	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012439.H21)			Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
16	STT 83 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012440.H21)	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
17	STT 84 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012441.H21)	8,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 7,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 7,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
18	STT 85 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012442.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
19	STT 86 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012443.H21)	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
20	STT 87 Mục VIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012434.H21)	4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
21	STT 19 Mục VIII, Quyết định	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa	6,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 5,5 ngày làm việc,	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011506.000.00.00. H21)	đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính		cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,0 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			UBND ngày 07/12/2025
			14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 13 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.		công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 12,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
22	STT 20 Mục VIII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		(1.011507.000.00.00. H21)			2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
23	STT 21 Mục VIII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011508.000.00.00. H21)	6,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính		giải quyết: 05 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
			15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 14 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 13,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			trụ sở chính.		an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
24	STT 13, Mục VIII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001547.000.00.00. H21)	6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 5,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					việc			
			15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 14 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 13,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
25	STT 14, Mục VIII,	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001175.000.00.00. H21)			Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
26	STT 15, Mục VIII, Quyết định số	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh	6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 5,75 ngày làm việc, cụ thể:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001172.000.00.00.H21)	lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính		1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
			15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 14 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.		2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 13,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
27	STT 16, Mục VIII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.002758.000.00.00. H21)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 11 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính		quyết: 10,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
			15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 14 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 13,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			trụ sở chính.					
28	STT 17, Mục VIII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001161.000.00.00. H21)	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
			6,5 ngày làm	0,25 ngày	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi	0,25 ngày	0,25 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
29	STT 18, Mục VIII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.000652.000.00.00. H21)	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính	làm việc	trường thuộc Sở Công Thương: 5,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	làm việc	làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
			15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 14 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.		an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 13,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
II. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (15 TTHC)								
30	STT 106 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (2.001424)	8,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 8 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				lý Thương mại giải quyết: 7,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
31	STT 107 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000491)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
32	STT 108 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000510)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
33	STT 109 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005184)	8,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 8 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 7,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
34	STT 110 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.000649)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
35	STT 111 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005372)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
36	STT 112 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000706)	8,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 8 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 7,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
37	STT 113 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (2.000146)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
38	STT 114 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000387)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
39	STT 100 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG. (1.000475)	8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 7,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025				thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 7,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
40	STT 101 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000455)	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
41	STT 102 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000742)	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
42	STT 103 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (2.000304)	8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 7,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 7,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
43	STT 104 Mục X, Phần A.I Quyết định số	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000709)	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025				toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
44	STT 105 Mục X, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000704)	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
III. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP (08 TTHC)								
45	STT 37 Mục III, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (2.001434)	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
46	STT 38 Mục III, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.001433)	4 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
47	STT 39 Mục III, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh	4 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025	(1.013058)			thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
48	STT 40 Mục III, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000998)	4 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					quả: 0,25 ngày làm việc			
49	STT 41 Mục III, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000965)	4 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
50	STT 7, Mục V.I Quyết định số	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật	3 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (1.003401)			1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
51	STT 8, Mục V.I Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (2.000229)	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3 Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
52	STT 9, Mục V.I Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (2.000210)	3 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 1,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			

IV. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG (02 TTHC)

53	STT 66 Mục VII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp chứng chỉ kiểm định viên (1.000140)	3,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,0 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
----	---	---	--------------------	--------------------	---	--------------------	--------------------	--

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
54	STT 67 Mục VII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (1.000066)	4 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
V. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (10 TTHC)								
55	STT 11, Mục VII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (2.000591)	10 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 9,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 8,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
56	STT 12, Mục VII, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (2.000535)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp: - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 9,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 8,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			Giấy chứng nhận hết hiệu lực					
			03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ đối với các trường hợp: - Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; - Trường hợp cấp lại	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ		qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; - Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giám về cơ sở kinh doanh					
57	STT 124 Mục XV, Phần A.I Quyết định	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực	21 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 20,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001682)			việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 19,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
58	STT 125 Mục XV, Phần A.I Quyết định số	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	16 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 15,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	(1.003951)			an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 14,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
59	STT 126 Mục XV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001660)	12,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 11,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 11,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
60	STT 127 Mục XV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003860)	21 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 20,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 19,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
61	STT 128 Mục XV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (2.001595)	16 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 15,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 14,75 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
62	STT 129 Mục XV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chi định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003929)	12,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 11,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 11,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
63	STT 130 Mục XV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000117)	10 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 9,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 8,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					việc			
64	STT 131 Mục XV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000115)	11 ngày làm việc đối với các trường hợp: - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 10,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 9,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			nhận hết hiệu lực; - Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh.					
			03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ đối với các trường hợp: - Trường hợp cấp lại	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh;		thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; - Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			giảm về cơ sở kinh doanh.					

VI. LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA (05 TTHC)

65	STT 118 Mục XIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (1.013989)	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nêu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,25 ngày làm việc (Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
----	---	---	---	--------------------	--	--------------------	--------------------	--

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định		ngày kể từ ngày nhận hồ sơ cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ.) - Trường hợp đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục trong thời hạn 30 ngày. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải kéo dài thêm thời hạn thì tổ chức đánh giá sự phù hợp báo cáo với cơ quan chỉ định bằng văn bản và nêu rõ thời hạn			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung trên <i>(Thời gian thực hiện yêu cầu sửa đổi, bổ sung, từ chối giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025)</i> 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
66	STT 119 Mục XIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (1.013990)	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025		quan chỉ định xem xét, cấp lại quyết định chỉ định		công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,25 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
67	STT 120 Mục XIV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.000147)	12,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 11,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 11,25 ngày làm việc (Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ). - Trường hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục trong thời hạn 30 ngày. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					kéo dài thêm thời hạn thì tổ chức đánh giá sự phù hợp báo cáo với cơ quan chỉ định bằng văn bản và nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung trên <i>(Thời gian thực hiện yêu cầu sửa đổi, bổ sung, từ chối giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025)</i> 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
68	STT 88 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.000604)	7 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,75 ngày làm việc (Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức kiểm định sửa đổi, bổ sung)	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					(Thời gian thực hiện yêu cầu sửa đổi, bổ sung, từ chối giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025) 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
69	STT 121 Mục XIV, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (2.000046)	4 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, tra kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc (+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.) 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
VII. LĨNH VỰC DẦU KHÍ (01 TTHC)								
70	STT 117 Mục XII, Phần A.I	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh,	11 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 10,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	thành phố trực thuộc Trung ương (1.013987)			việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 9,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			UBND ngày 07/12/2025
VIII. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN (04 TTHC)								
71	STT 1, Quyết định số 790/QĐ-	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	8,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 7,75 ngày làm việc, cụ thể:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2639/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 18/7/2025	(1.014125. H21)			1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 7,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 17/11/2025
72	STT 2, Quyết định số 790/QĐ-UBND	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014126.H21)	3 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 18/7/2025				công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
73	STT 3, Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014127.H21)	3 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
74	STT 1, Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013652.H21)	8,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 7,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					giải quyết: 7,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			

IX. LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU (02 TTHC)

75	STT 7, Mục II Phần A.I Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương (1.013126.H21)	9,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 8,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 8,25 ngày làm	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
----	--	---	-------------------	--------------------	---	--------------------	--------------------	--

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
76	STT 8, Mục II Phần A.I Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	10,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 9,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 9,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		(1.013127.H21)			an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			

X. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (02 TTHC)

77	STT 115 Mục XI, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000026)	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
----	---	--	--	--------------------	---	--------------------	--------------------	--

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
78	STT 116 Mục XI, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000133)	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
XI. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (18 TTHC)								
79	STT 19 Mục I, Phần A.I Quyết định số	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 02 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	(1.001238)	nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.		1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
80	STT 20 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (1.001104)	3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
81	STT 7 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh (1.013778)	5,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
82	STT 1 Mục I, Phần A.I Quyết định	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	lá để kinh doanh hàng miễn thuế (1.001419)	được bộ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp		1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			UBND ngày 07/12/2025
83	STT 9 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062)	3,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
84	STT 10 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (1.000957)	3,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
85	STT 11, Mục I, Phần A.I	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	3,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	(1.000905)			1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			UBND ngày 07/12/2025
86	STT 12, Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu (1.000890)	3,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
87	STT 13 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (1.004155)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
88	STT 14 Mục I, Phần A.I	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập,	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (1.004181)	được hồ sơ hợp lệ.		1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			UBND ngày 07/12/2025
89	STT 15 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (2.001758)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
90	STT 16 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.000551)	3,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
91	STT 17 Mục I,	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa	3,75 ngày làm việc kể	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (1.000477)	từ ngày nhận được hồ sơ hợp		Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
92	STT 18 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà (1.000363)	3,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 2,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
93	-	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico (1.000400)	a) Trường hợp đáp ứng cấp Chứng thư xuất khẩu, cơ quan cấp chứng thư xuất khẩu thông báo cho thương nhân qua hệ thống điện tử và trả Chứng	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 0,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			thư xuất khẩu qua bưu điện hoặc trả trực tiếp theo đăng ký của thương nhân trên hệ thống điện tử trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư xuất khẩu. b) Trường hợp không					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, tra kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			cấp Chứng thư xuất khẩu, Bộ Công Thương thông báo và nêu rõ lý do trên hệ thống điện tử. Đối với hồ sơ cần bổ sung, sửa đổi, thời hạn nộp bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi thương nhân nhận được thông báo;					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			quá thời hạn trên hệ thống điện tử sẽ tự động hủy bỏ hồ sơ này. <i>(Nộp trực tuyến trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ:</i> https://ecosys.gov.vn/<i>)</i>					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
94	STT 21 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.004191)	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
95	STT 22 Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản (1.000264)	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ của doanh	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025		nghiệp		2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
96	STT 5, Mục III, Phần I, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa (1.000421)	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	

XII. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (05 TTHC)

97	STT 60 Mục V, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000376)	4,75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
98	STT 61 Mục V, Phần A.I Quyết định số	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	(1.000361)	lệ		mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
99	STT 62 Mục V, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000129)	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
100	STT 63 Mục V, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000358)	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
101	STT 64 Mục V, Phần A.I Quyết định	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	(1.000168)	lệ		mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 1,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
XIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP (03 TTHC)								
102	STT 132 Mục XVI, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (2.001573)	5 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 04 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,5	0.5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
103	STT 133 Mục XVI, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (1.003705)	21 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 20 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 19 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
104	STT 134 Mục XVI,	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng	7,5 làm việc, kể từ ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 6,5		0,25 ngày	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương (2.000324)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	làm việc	ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 5,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	làm việc	2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

XIV. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI (02 TTHC)

105	STT 141 Mục XVIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại (1.005190)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
-----	---	--	--	--------------------	---	-------------------	--------------------	--

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 4,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
106	STT 142 Mục XVIII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại (2.000110)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 4,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
XV. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (09 TTHC)								
107	STT 23 Mục II, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004021)	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
108	STT 24 Mục II, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.003992)	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp (Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
			07 ngày làm việc kể từ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp (Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng)		Thương: 6,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
109	STT 25 Mục II, Phần A.I Quyết định	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004007)	lệ của doanh nghiệp		1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
110	STT 135 Mục XVII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp Giấy phép phân phối rượu. (1.003977)	7,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 6,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 6,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
111	STT 136 Mục XVII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu. (1.005376)	5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 4,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 4 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
112	STT 137 Mục XVII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu (1.003101)	4,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 3,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
113	STT 138 Mục XVII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001338)	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 6,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 10/7/2025				2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 6 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
114	STT 139 Mục XVII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001323)	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 6,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 6 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
115	STT 140 Mục XVII, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (2.000598)	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 6,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 6 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
XVI. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (06 TTHC)								
116	-	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.003390)	Không quy định (Thực hiện trên Cổng)	-	-	-	-	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử: http://online.go v.vn/)					ngày 07/12/2025
117	-	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000880)	7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Thực hiện trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử: </i>					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			.go v.vn/)					
118	-	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng (2.000243)	Không quy định (Thực hiện trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử: http://online.go v.vn/)	-	-	-	-	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
119	STT 2, Mục II, Quyết định số 2427/QĐ-UBND	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.002968)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân,	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	ngày 30/10/2025		tổ chức, cá nhân gửi (Thực hiện trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử: http://online.go.v.vn/)		lý Thương mại giải quyết: 1,75 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
120	STT 3, Mục II, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website thương mại điện tử bán hàng (1.000758)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân, tổ chức, cá nhân gửi	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			<i>(Thực hiện trên Cổng tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử: http://online.go.v.vn/)</i>		1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
121	STT 3, Mục II, Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000799)	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác của thương nhân, tổ chức. <i>(Thực hiện</i>	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 6,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 5,25 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			<i>trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử: http://online .go v.vn/)</i>		Thương mại thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
XVII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (04 TTHC)								
122	STT 8, Mục I, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép (1.013779.H21)	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Thương mại phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại giải quyết: 02 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					Thương mại thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
123	STT 26 Mục II, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000981)	11,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Công nghiệp thuộc Sở Công Thương: 09 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Công nghiệp phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản Công nghiệp giải quyết: 6,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp thông qua kết quả: 2 ngày làm việc	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
124	STT 27 Mục II, Phần A.I Quyết định	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	8,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Công nghiệp thuộc Sở Công Thương: 07 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Công	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	(1.000948)	lệ		nghiệp phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản Công nghiệp giải quyết: 5,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp thông qua kết quả: 01 ngày làm việc			ngày 07/12/2025
125	STT 28 Mục II, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000911)	8,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Công nghiệp thuộc Sở Công Thương: 07 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Công nghiệp phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên Phòng Quản Công nghiệp giải quyết: 5,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					Công nghiệp thông qua kết quả: 01 ngày làm việc			
XVIII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG (01 TTHC)								
126	STT 65 Mục VI, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (1.001158)	14,75 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày	Phòng Quản lý Công nghiệp thuộc Sở Công Thương: 12 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Quản lý Công nghiệp phân công thụ lý: 01 ngày 2. Chuyên viên Phòng Quản Công nghiệp giải quyết: 09 ngày 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp thông qua kết quả: 02 ngày	02 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 07/12/2025
TỔNG SỐ: 126 TTHC								